TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh nuôi chấp con khi ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Quàng Văn Xôm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Khắc Thiện**

2. Ông **Khoàng Văn Hặc**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***:** Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Khá** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ly A C - Sinh năm: 1996.

Địa chỉ trú tại: Bản S, xã S, huyện M, tỉnh Đ (có mặt).

Bị đơn: Chị Giàng Thị D - Sinh năm: 1998.

Địa chỉ trú tại: Bản S, xã S, huyện M, tỉnh Đ, chỗ ở hiện nay: Bản D, xã S, huyện M, tỉnh Đ (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10 tháng 02 năm 2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Ly A C trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Giàng Thị D quen biết và tìm hiểu nhau từ tháng 3 năm 2012, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, và từ đó chung sống như vợ chồng mà chưa đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 3/2018 thì tôi đi nghĩa vụ quân sự đến tháng 3/2020 xuất ngũ trở về địa phương, tưởng rằng cuộc sống sẽ hạnh phúc, nhưng mâu thuẫn, cãi vã ngày càng nhiều hơn. Đến khoảng đầu tháng 5/2020 D về nhà bố mẹ đẻ ở bản D, xã S, huyện M, tỉnh Đ cũng từ đó đến nay chúng tôi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Đến nay tôi xét thấy không còn tình cảm với chị D, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi làm đơn xin ly hôn với chị D, đề nghị Tòa án nhân huyện M giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là Ly A T, sinh ngày 10/01/2014, Ly A T, sinh ngày 10/10/2015. Hiện tại cả 02 cháu đều có nguyện vọng ở với tôi, tôi cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tôi không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ việc, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh tại nơi cư trú, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử tiến hành niêm yết mọi thủ tục đảm bảo về thời gian, đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật, thế nhưng chị Giàng Thị D đều không hợp tác, không tham gia bất cứ quy trình tố tụng nào của Tòa án, do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện M về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của anh C và chị D ngày 01/3/2023 thể hiện: anh Ly A C và chị Giàng Thị D, sau khi tìm hiểu và được hai gia đình nhất trí tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Từ năm 2012 về chung sống với nhau cho đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, thời gian sau không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do từ anh C đi nghĩa vụ quân sự chị D không quan tâm đến cuộc sống của gia đình chồng, con. Đến tháng 3/2020 anh C xuất ngũ trở về cũng nhờ gia đình khuyên giải để anh, chị quay về đoàn tụ chung sống với nhau, nhưng anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Về con chung: Có 02 con chung là Ly A T, sinh ngày 10/01/2014, Ly A T, sinh ngày 10/10/2015. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trông nom con chung. Anh C và chị D đều không có công việc làm ổn định, tuy nhiên hiện tại các cháu đang ở cùng với anh C, anh C có đủ sức khỏe lao động, sản xuất để nuôi dưỡng các cháu nên anh C là người có điều kiện hơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định. Đối với bị đơn đã được Tòa án niêm yết đầy đủ các quy trình tố tụng, các quyết định theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng cố tình không hợp tác, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã đến tại xã và bản nơi bị đơn cư trú làm các thủ tục niêm yết theo định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GĐ năm 2014; căn cứ vào

khoản 4 điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014". Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh Ly A C và chị Giàng Thị D.

Về con chung: Anh C và chị D có 02 con chung là Ly A T, sinh ngày 10/01/2014, Ly A T, sinh ngày 10/10/2015, cả hai cháu đều đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với bố và anh C cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu. Chị D bỏ nhà không quan tâm đến con, nên cần giao cả hai cháu cho anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp và đúng với nguyện vọng của các cháu. Anh C không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Trong quá trình giải quyết anh C trình bầy không có và không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân, nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã S, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Bị đơn sau khi Tòa án thụ lý vụ việc đã tiến hánh các thủ tục, tố tụng thống báo thụ lý, thống báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án đưa ra xét xử, tiến hành niêm yết đảm bảo theo quy định của Luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn Giàng Thị D cố tình không hợp tác, không tham gia bất kể mọi quy trình tố tụng nào của Tòa án , do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân:

[2]. Anh Ly A C và chị Giàng Thị D sau khi tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến nay mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống anh chị ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tháng 3/2018 anh C đi nhận ngũ, trong thời gian này chị D gần như không quan tâm cuộc sống của gia đình. Tháng 3/2020

anh C xuất ngũ trở về tình cảm anh, chị không có chiều hướng cải thiện hơn mà mâu thuẫn càng ngày trầm trọng hơn.

Tại phiên tòa anh C vẫn khẳng định cho đến nay không còn tình cảm với chị D vì chị D đã bỏ về nhà bố đẻ mà không còn quan tâm cuộc sống của gia đình chồng con, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc sống chung như vợ chồng của anh C và chị D không làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014" không công nhận quan hệ giữa anh Ly A C và chị Giàng Thị D là vợ chồng.

[3]. **Về con chung:**

Anh C và chị D có 02 con chung Ly A T, sinh ngày 10/01/2014, Ly A T, sinh ngày 10/10/2015, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố và anh C cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Chị D bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ của chị mà không quan tâm đến cuộc sống sinh hoạt của anh C và các con của mình ăn ở như thế nào. Vậy, theo nguyện vọng của các cháu và anh C, cần giao cháu các cháu cho anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp. Ghi nhận việc anh C không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. **Về tài sản chung, riêng và công nợ:** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh C trình bày là không có tài sản chung, riêng và không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Anh C là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho anh C theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GĐ năm 2014; căn cứ vào khoản 4 điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014".

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Ly A C và chị Giàng Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Theo nguyện vọng của các cháu và anh C, giao cháu Ly A T, sinh ngày 10/01/2014, Ly A T, sinh ngày 10/10/2015 cho anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận việc anh C không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở; quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và quyết định khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không đề cập xem xét giải quyết

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho anh C.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/6/2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Quàng Văn Xôm